

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Thanh Hóa
TRƯỜNG THPT BA ĐÌNH
KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
1	730568	Mai Huy Phú Trọng	09/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.5	9.4	9.6			9	9.8	9.5	28.3	28.3		Đỗ NV1 - Lần 1
2	730309	Nguyễn Trung Kiên	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.4	9.1		1.5	8	9.2	9.5	26.7	28.2		Đỗ NV1 - Lần 1
3	730286	Vũ Thanh Huyền	08/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.4	8.7	9.6			8.5	9.6	9.25	27.35	27.35		Đỗ NV1 - Lần 1
4	730329	Mai Nhật Linh	04/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.8	9.3	9.6			8.25	9.4	9.5	27.15	27.15		Đỗ NV1 - Lần 1
5	730183	Trương Văn Đồng	08/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.2	9.2			8	9.8	9.25	27.05	27.05		Đỗ NV1 - Lần 1
6	730404	Dương Hoàng Bảo Ngọc	22/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	9.3	8.9			8.5	9.8	8.75	27.05	27.05		Đỗ NV1 - Lần 1
7	730291	Nguyễn Duy Hưng	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.7	8.8	9.3			8.25	9.2	9.5	26.95	26.95		Đỗ NV1 - Lần 1
8	730345	Nguyễn Trần Hà Long	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	9.1	9.4			8.25	9.4	9.25	26.9	26.9		Đỗ NV1 - Lần 1
9	730375	Mai Tuấn Minh	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.8	8.5	9			7.75	9.6	9.5	26.85	26.85		Đỗ NV1 - Lần 1
10	861018	Lương Thị Vân Anh	12/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.6	8.6	9.7			7.75	9.8	9.25	26.8	26.8		Đỗ NV1 - Lần 1
11	730322	Mai Phan Tuệ Lâm	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9	8.2	9.5			8	9.8	9	26.8	26.8		Đỗ NV1 - Lần 1
12	730481	Trịnh Minh Quân	10/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	10	8.7	9.3		1.5	7.25	8.8	9.25	25.3	26.8		Đỗ NV1 - Lần 1
13	730531	Mai Phương Thúy	04/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.6	8.6	9.5			8.5	8.8	9.5	26.8	26.8		Đỗ NV1 - Lần 1
14	730301	Hoàng Đăng Khánh	07/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.6	9			8.25	9	9.5	26.75	26.75		Đỗ NV1 - Lần 1
15	861095	Phạm Minh Hoàng	12/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.3	9.5			8	9.6	9	26.6	26.6		Đỗ NV1 - Lần 1
16	730463	Mai Gia Phúc	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	8.9	9.3			8.5	8.6	9.5	26.6	26.6		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
17	730215	Phạm Minh Hải	13/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.5	8.7	9.5			8	9	9.5	26.5	26.5		Đỗ NV1 - Lần 1
18	862161	Mai Ngọc Uyên My	23/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	9.3	9.3			8.25	9	9.25	26.5	26.5		Đỗ NV1 - Lần 1
19	730228	Ngô Thảo Hiền	26/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	9.3	9.2			8.25	9.2	9	26.45	26.45		Đỗ NV1 - Lần 1
20	730545	Cao Ngọc Hiền Trang	24/06/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	9.2	8.6	9.3			8.5	9.2	8.75	26.45	26.45		Đỗ NV1 - Lần 1
21	730432	Mai Thảo Nhi	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.5	9.5			8.5	9.2	8.75	26.45	26.45		Đỗ NV1 - Lần 1
22	730549	Lê Hà Trang	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.8	9.2			8.25	9.4	8.75	26.4	26.4		Đỗ NV1 - Lần 1
23	730129	Nguyễn Ngọc Diệp	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.6	8.8	9.2			8	9.4	9	26.4	26.4		Đỗ NV1 - Lần 1
24	730598	Trần Khánh Vân	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.6	9.2			8.25	9.4	8.75	26.4	26.4		Đỗ NV1 - Lần 1
25	730588	Nguyễn Hữu Tùng	05/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8	9.5			7.75	9.6	9	26.35	26.35		Đỗ NV1 - Lần 1
26	730128	Dương Ngọc Diệp	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.5	9			8	9.8	8.5	26.3	26.3		Đỗ NV1 - Lần 1
27	730210	Nguyễn Thu Hà	06/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.5	8.7	9.7			7.75	9	9.5	26.25	26.25		Đỗ NV1 - Lần 1
28	730507	Trịnh Lê Thanh	03/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.5	9.1			8.5	9.2	8.5	26.2	26.2		Đỗ NV1 - Lần 1
29	730420	Mai Đan Nguyên	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.3	9.3			8	9.2	9	26.2	26.2		Đỗ NV1 - Lần 1
30	730101	Vũ Ngọc Bích	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.6	8.7			8.5	8.6	9	26.1	26.1		Đỗ NV1 - Lần 1
31	730274	Nguyễn Lê Huy	06/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	8.7	9			8.25	8.6	9.25	26.1	26.1		Đỗ NV1 - Lần 1
32	730436	Nguyễn Thị Yến Nhi	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	9.3	8.9			8.25	8.6	9.25	26.1	26.1		Đỗ NV1 - Lần 1
33	730194	Nguyễn Trung Đức	05/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.9	8.8	8.8			8	8.6	9.5	26.1	26.1		Đỗ NV1 - Lần 1
34	862389	Mai Quốc Huy	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.6	9.2			8.25	8.8	9	26.05	26.05		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
35	861166	Nguyễn Kim Ngân	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	8.3	8.7	9.6			7.75	9.8	8.5	26.05	26.05		Đỗ NV1 - Lần 1
36	730366	Mai Huy Mạnh	25/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.4	8.8			7.75	8.8	9.5	26.05	26.05		Đỗ NV1 - Lần 1
37	730533	Bùi Minh Thư	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.5	8.6	9			8.5	8.2	9.25	25.95	25.95		Đỗ NV1 - Lần 1
38	730054	Nguyễn Hoàng Anh	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.8	8.7	9			8.25	8.2	9.5	25.95	25.95		Đỗ NV1 - Lần 1
39	730012	Trần Ngọc Bảo An	09/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.5	8.5			7.25	9.4	9.25	25.9	25.9		Đỗ NV1 - Lần 1
40	730032	Mai Hà Anh	13/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.6	8.4	9.5			8.25	8.6	9	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
41	730118	Trịnh Mai Chi	08/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.7	8.7	9.7			8.25	8.6	9	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
42	730099	Mai Thị Ngọc Bích	04/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.5	9.5			7.75	8.6	9.5	25.85	25.85		Đỗ NV1 - Lần 1
43	730382	Nguyễn Hà My	08/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	8.8	9.5			7.75	8.8	9.25	25.8	25.8		Đỗ NV1 - Lần 1
44	730381	My Thị Trà My	29/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.6	8.6	9			8	9	8.75	25.75	25.75		Đỗ NV1 - Lần 1
45	730023	Hoàng Thị Quỳnh Anh	13/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.8	9			8.75	8.2	8.75	25.7	25.7		Đỗ NV1 - Lần 1
46	730392	Nguyễn Hải Nam	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	8.3	9.2			7.75	9.2	8.75	25.7	25.7		Đỗ NV1 - Lần 1
47	730155	My Thị Kỳ Duyên	02/05/2011	Tỉnh Lâm Đồng	T	T	G	9.1	8.9	10			8	9.4	8.25	25.65	25.65		Đỗ NV1 - Lần 1
48	730511	Nguyễn Tiến Thành	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.3	8.6			8.25	8.4	9	25.65	25.65		Đỗ NV1 - Lần 1
49	862522	Trịnh Hà Anh	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.6	8.4			8	8.6	9	25.6	25.6		Đỗ NV1 - Lần 1
50	730020	Hóa Linh Anh	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.5	9.1			7	9.6	9	25.6	25.6		Đỗ NV1 - Lần 1
51	730565	Trần Thị Huyền Trang	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.6	8.6			8.75	7.8	9	25.55	25.55		Đỗ NV1 - Lần 1
52	730097	Mai Đức Bằng	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	7.8	9			7.75	8.8	9	25.55	25.55		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
53	730300	Bùi Trường Khánh	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8	8.9			8	9	8.5	25.5	25.5		Đỗ NV1 - Lần 1
54	730517	Đỗ Ngọc Thắng	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	7.7	8.6			8.5	8.4	8.5	25.4	25.4		Đỗ NV1 - Lần 1
55	730083	Phạm Hoàng Bách	08/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.5	8.8			8.25	8.4	8.75	25.4	25.4		Đỗ NV1 - Lần 1
56	730312	Đặng Tuấn Kiệt	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.5	8.6	9.4			8	8.4	9	25.4	25.4		Đỗ NV1 - Lần 1
57	730457	Phạm Thanh Phong	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.6	8.4	8.6			7.75	8.6	9	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
58	730193	Nguyễn Minh Đức	24/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8.2	8	8.8			7.25	9.6	8.5	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
59	730260	Lê Phan Mạnh Hùng	10/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8	9.2			8	8.6	8.75	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
60	730619	Phạm Thị Hải Yến	09/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.5	9.6			7.75	8.6	9	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
61	730548	Hà Thùy Trang	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.4	8.6			7.5	9.6	8.25	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
62	730043	Mai Thị Diễm Anh	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	9	8.7			7.5	9.6	8.25	25.35	25.35		Đỗ NV1 - Lần 1
63	730042	Mai Quỳnh Anh	07/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.8	7.9			8	8.8	8.5	25.3	25.3		Đỗ NV1 - Lần 1
64	730450	Đoàn Vũ Phong	18/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.9	8.5	9.2			8	7.8	9.5	25.3	25.3		Đỗ NV1 - Lần 1
65	730365	Dương Đức Mạnh	26/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	9.1	8.2	9.4			6.75	9.8	8.75	25.3	25.3		Đỗ NV1 - Lần 1
66	730615	Đào Phương Yến	27/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	9.2	9.6			8.5	9	7.75	25.25	25.25		Đỗ NV1 - Lần 1
67	730161	Đới Thùy Dương	09/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.7	9.4			8.25	8	9	25.25	25.25		Đỗ NV1 - Lần 1
68	730013	Bùi Đức Anh	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.7	8.3			8	8.2	9	25.2	25.2		Đỗ NV1 - Lần 1
69	862524	Nguyễn Ngọc Ánh	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.4	8.3			7.5	9.2	8.5	25.2	25.2		Đỗ NV1 - Lần 1
70	730055	Nguyễn Hoàng Hoài Anh	07/01/2011	Tỉnh Lâm Đồng	T	T	G	8.8	8.7	8.5			8	8.2	9	25.2	25.2		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
71	730389	Lê Đại Nam	17/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.4	9			7.75	8.4	9	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
72	730339	Phan Mai Linh	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.7	9.1			8.25	8.4	8.5	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
73	730304	Nguyễn Đăng Khoa	05/02/2011	Tỉnh Hà Tĩnh	T	T	G	8.2	7.9	9			8.25	8.4	8.5	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
74	730472	Nguyễn Lê Minh Phương	24/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.6	8.4	9			7.25	8.4	9.5	25.15	25.15		Đỗ NV1 - Lần 1
75	730542	Mai Minh Đức Toàn	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	7.6	9.3			7.25	9.6	8.25	25.1	25.1		Đỗ NV1 - Lần 1
76	730601	Đặng Anh Việt	09/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.3	8.4			8.25	7.8	9	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
77	730605	Trần Quý Vương	12/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9.3	7.9	9.1			7.75	8.8	8.5	25.05	25.05		Đỗ NV1 - Lần 1
78	730143	Mã Vũ Quang Dũng	18/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.3	8.4			7.75	9	8.25	25	25		Đỗ NV1 - Lần 1
79	730566	Trịnh Huyền Trang	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.6	8.2	9.2			8	8	9	25	25		Đỗ NV1 - Lần 1
80	730419	Lê Thảo Nguyên	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.4	9	8.5			8.5	8	8.5	25	25		Đỗ NV1 - Lần 1
81	730512	Mai Phương Thảo	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.3	9.1			8.5	8.2	8.25	24.95	24.95		Đỗ NV1 - Lần 1
82	730295	Mai Quỳnh Hương	30/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	9	9			8.25	8.2	8.5	24.95	24.95		Đỗ NV1 - Lần 1
83	730270	Mai Quang Huy	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.7	8.2			7.5	8.4	9	24.9	24.9		Đỗ NV1 - Lần 1
84	730524	Trần Phương Thu	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.2	8.7			8.5	8.4	8	24.9	24.9		Đỗ NV1 - Lần 1
85	730134	Bùi Thị Ngọc Dung	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	8.5			8.5	7.4	9	24.9	24.9		Đỗ NV1 - Lần 1
86	730361	Nguyễn Quỳnh Mai	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.2	9	8.3			7.5	8.4	9	24.9	24.9		Đỗ NV1 - Lần 1
87	730224	Trần Thị Ngọc Hân	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.6	8.9			8.25	8.4	8.25	24.9	24.9		Đỗ NV1 - Lần 1
88	730221	Mai Ngọc Hân	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.7	8.4	8.5			8.25	7.6	9	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
89	730079	Mai Nguyễn Ngọc Ánh	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.3	9.1	9			8.75	7.6	8.5	24.85	24.85		Đỗ NV1 - Lần 1
90	730110	Hoàng Linh Chi	29/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	9	8.4			8.5	7.8	8.5	24.8	24.8		Đỗ NV1 - Lần 1
91	730468	Mai Hà Phương	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	8.8			8.5	7.8	8.5	24.8	24.8		Đỗ NV1 - Lần 1
92	730056	Nguyễn Hữu Tiến Anh	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.3	9			7.75	7.8	9.25	24.8	24.8		Đỗ NV1 - Lần 1
93	730206	Mai Thị Khánh Hà	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.7	8.4			7.75	7.8	9.25	24.8	24.8		Đỗ NV1 - Lần 1
94	730272	Nguyễn Đức Huy	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.5	7.7			8	8	8.75	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
95	730553	Mai Thùy Trang	22/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.4	9.1			8.75	8	8	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
96	730222	Mai Ngọc Hân	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.4	7.4			7.75	8	9	24.75	24.75		Đỗ NV1 - Lần 1
97	730581	Mã Đức Tuấn	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.4	9			7.5	8.2	9	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
98	730025	Lê Minh Anh	08/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	9.1	8.2			8	8.2	8.5	24.7	24.7		Đỗ NV1 - Lần 1
99	730448	Trương Bảo Ninh	19/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.9	9.4			6.5	9.4	8.75	24.65	24.65		Đỗ NV1 - Lần 1
100	730328	Mai Hoàng Thảo Linh	23/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.8	9.5			7.5	8.6	8.5	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
101	730456	Nguyễn Hoài Phong	11/06/2011	Tỉnh Vĩnh Long	T	T	G	9.6	8.1	8.1			7.25	8.6	8.75	24.6	24.6		Đỗ NV1 - Lần 1
102	730564	Trần Thị Huyền Trang	08/07/2011	Tỉnh Đắk Lắk	T	T	G	8.7	9.1	8.5			8	7.8	8.75	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
103	730449	Mai Kim Oanh	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	9	8.3			8	7.8	8.75	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
104	730213	Mai Chấn Hải	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.5	9.3			7.75	8.8	8	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
105	730532	Mai Thanh Thúy	04/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	6.9			8.5	7.8	8.25	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1
106	730219	Trần Thị Lệ Hằng	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.6	8.4			8.5	7.8	8.25	24.55	24.55		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
107	730319	Mã Lưu Phương Lan	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.9	8.3			8.5	8	8	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
108	730340	Tô Khánh Linh	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.7	8.6			8	8	8.5	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
109	730430	Lê Uyên Nhi	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.3	8.9			7.5	9	8	24.5	24.5		Đỗ NV1 - Lần 1
110	730597	Thiệu Thanh Vân	08/07/2011	Tỉnh Tây Ninh	T	T	G	8.1	8	7.8			7.75	8.2	8.5	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
111	730385	Phan Nguyễn Thảo My	10/03/2011	Tỉnh Đắk Lắk	T	T	G	9	9.5	8.6			8	8.2	8.25	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
112	730146	Nguyễn Tấn Dũng	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.4	8.6			8.25	8.2	8	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
113	730331	Mai Trịnh Hoàng Linh	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	XS	9.6	8.6	9			7.75	8.2	8.5	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
114	730321	Đoàn Tùng Lâm	07/02/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	9.1	7.4	9.1			7.25	9.2	8	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
115	730278	Mai Phương Huyền	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.7	9.3			7.75	8.2	8.5	24.45	24.45		Đỗ NV1 - Lần 1
116	730059	Nguyễn Phương Anh	07/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.2	9.1			8	8.4	8	24.4	24.4		Đỗ NV1 - Lần 1
117	730614	Bùi Thị Hải Yến	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.1	8.7			8	8.6	7.75	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
118	730111	Mai Diệp Chi	27/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.3	8.9			7.25	8.6	8.5	24.35	24.35		Đỗ NV1 - Lần 1
119	730133	Trịnh Doanh Doanh	10/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.5	7.6			8.25	7.8	8.25	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
120	730276	Trịnh Minh Huy	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9	6.3	8.7			8	7.8	8.5	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
121	730086	Đông Gia Bảo	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8	9.1			6.75	8.8	8.75	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
122	730330	Mai Phương Linh	03/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.6	9			8.25	7.8	8.25	24.3	24.3		Đỗ NV1 - Lần 1
123	730152	Nguyễn Đức Duy	05/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.5	8.3	9.2			7.5	8	8.75	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
124	730444	Nguyễn Thị Hồng Nhung	30/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.1	9.1			8.75	8	7.5	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
125	730359	Bùi Thanh Tuyết Mai	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.5	9.1			8	8	8.25	24.25	24.25		Đỗ NV1 - Lần 1
126	730208	Nguyễn Khánh Hà	27/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.3	9.2			7.5	8.2	8.5	24.2	24.2		Đỗ NV1 - Lần 1
127	862169	Phạm Phương Nga	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	9.1	8.7			8.75	7.2	8.25	24.2	24.2		Đỗ NV1 - Lần 1
128	730589	Vũ Thị Thanh Tuyền	15/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	7.7	8.9			7	8.4	8.75	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
129	730407	Mai Bảo Ngọc	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	9	8.2			8.5	7.4	8.25	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
130	730124	Nguyễn Chí Cường	05/04/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	8.5	8.1	8.1			7.25	8.4	8.5	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
131	730306	Bùi Bá Kiên	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	7.7	9.2			6.75	9.4	8	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
132	730094	Trịnh Thái Bảo	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	7.8	7.9			7.25	8.4	8.5	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
133	730535	Nguyễn Anh Thư	25/01/2011	Tỉnh Tuyên Quang	T	T	G	8.4	8.8	8.9			8.75	8.4	7	24.15	24.15		Đỗ NV1 - Lần 1
134	730123	Mai Trí Cường	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7	7.9			7	8.6	8.5	24.1	24.1		Đỗ NV1 - Lần 1
135	730401	Đình Gia Nghĩa	23/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.2	8.7			7	8.6	8.5	24.1	24.1		Đỗ NV1 - Lần 1
136	730103	Mai Việt Bình	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	8.1	7.7			8	7.6	8.5	24.1	24.1		Đỗ NV1 - Lần 1
137	730342	Nguyễn Hải Long	14/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.6	8.4			8.25	6.8	9	24.05	24.05		Đỗ NV1 - Lần 1
138	730047	Mai Tuấn Anh	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.1	9			6.5	9	8.5	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
139	730028	Mai Công Đức Anh	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	9.5			7.5	8	8.5	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
140	730547	Dương Thu Trang	08/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8	8.8			6.75	9	8.25	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
141	730482	Trịnh Minh Quân	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.2	8.7			7.75	8	8.25	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
142	730399	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	29/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.7	8.7			7.75	8	8.25	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
143	730207	Nguyễn Bảo Hà	18/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.1	8.8			7.25	8	8.75	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
144	730297	Nguyễn Bảo Hường	20/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.8	9			8	8	8	24	24		Đỗ NV1 - Lần 1
145	730360	Đào Thị Thanh Mai	12/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.2	8.2			7.75	7.2	9	23.95	23.95		Đỗ NV1 - Lần 1
146	730536	Nguyễn Thị Anh Thư	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.3	8.9			8.5	7.4	8	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
147	730060	Nguyễn Phương Anh	14/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.7	8.3			8	7.4	8.5	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
148	730115	Nguyễn Hà Chi	17/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.1	8.8			7	8.4	8.5	23.9	23.9		Đỗ NV1 - Lần 1
149	730560	Phạm Thị Huyền Trang	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.2	8.4			8.75	7.6	7.5	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
150	730363	Phạm Phương Mai	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.8	8.8			8.25	7.6	8	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
151	730593	Mai Thị Thảo Uyên	25/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.6	7.3			8	7.6	8.25	23.85	23.85		Đỗ NV1 - Lần 1
152	730313	Đổng Tuấn Kiệt	23/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	8.1			7.25	8	8.5	23.75	23.75		Đỗ NV1 - Lần 1
153	730610	Phạm Nguyễn Kiều Vy	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.4	8.3			8.5	7.2	8	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
154	730433	Mai Thảo Nhi	21/03/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	8.2	9.6	7.7			8	7.2	8.5	23.7	23.7		Đỗ NV1 - Lần 1
155	730004	Mai Văn An	07/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.7	7.4			7.5	7.4	8.75	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
156	730475	Nguyễn Duy Quang	13/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	9			8	7.4	8.25	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
157	730378	Phạm Thành Minh	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	7.3	9			6.75	8.4	8.5	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
158	730268	Mai Gia Huy	25/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8	8.7			7.75	7.4	8.5	23.65	23.65		Đỗ NV1 - Lần 1
159	730495	Mai Thanh Sơn	08/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7	6.9			8	7.6	8	23.6	23.6		Đỗ NV1 - Lần 1
160	730283	Trần Thị Huyền	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	6.6	7.3			7	7.8	8.75	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
161	730041	Mai Quỳnh Anh	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.9	8.3			8	6.8	8.75	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
162	730053	Nguyễn Hoàng Anh	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.4	7.9			7	7.8	8.75	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
163	730162	Hoàng Thùy Dương	13/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.3	8.1			7.5	7.8	8.25	23.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
164	730011	Quách Trần Duy An	09/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8.5	6.4	6.7	1		7.5	6.8	8.25	22.55	23.55		Đỗ NV1 - Lần 1
165	730320	Nguyễn Thị Lan	02/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.5	7.3			8	8	7.5	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
166	730035	Mai Ngọc Anh	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.4	8.8			7	8	8.5	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
167	730594	Trần Hoàng Phương Uyên	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.7	6.6			7.5	8	8	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
168	730298	Đào Đức Hữu	25/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.2	8.5			8	7	8.5	23.5	23.5		Đỗ NV1 - Lần 1
169	730131	Trần Nguyễn Ngọc Diệp	14/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.7	7.9			8	7.2	8.25	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
170	730453	Mai Đình Phong	03/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.1	7.2			6.5	8.2	8.75	23.45	23.45		Đỗ NV1 - Lần 1
171	730216	Mai Hồng Hạnh	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.4	7.2	1		8.25	6.4	7.75	22.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
172	730506	Phạm Ngọc Thanh	26/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.2	8			8.5	6.4	8.5	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
173	730510	Ngô Thọ Thành	07/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.7	8.1			8.5	6.4	8.5	23.4	23.4		Đỗ NV1 - Lần 1
174	730540	Vũ Anh Tiến	05/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8.2	7.4			8.25	6.6	8.5	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
175	730256	Nguyễn Vũ Hội	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.7	8			8.25	6.6	8.5	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
176	730603	Mai Thành Vinh	15/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.2	8.4			6.75	7.6	9	23.35	23.35		Đỗ NV1 - Lần 1
177	730537	Trịnh Nguyễn Minh Thư	18/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8	8.4	8			8.75	5.8	8.75	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
178	730005	Mai Xuân Việt An	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	6.1	8.9			7	7.8	8.5	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
179	730604	Nguyễn Lâm Vũ	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.4	6.7			7	7.8	8.5	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
180	730290	Nguyễn Duy Hưng	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.5	8.1			8	6.8	8.5	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
181	730431	Mai Kim Hoàn Nhi	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.4	7			8	6.8	8.5	23.3	23.3		Đỗ NV1 - Lần 1
182	730197	Thịnh Văn Đức	09/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.8	8	8.2			7.5	7	8.75	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
183	730076	Lê Ngọc Ánh	15/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.1	6.9			8.75	6	8.5	23.25	23.25		Đỗ NV1 - Lần 1
184	730275	Nguyễn Quang Huy	12/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.1	7.4			7.25	8.2	7.75	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
185	730269	Mai Quang Huy	03/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.7	7.3			8	8.2	7	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
186	730515	Trịnh Thị Thảo	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	7.9	8.9			8.25	7.2	7.75	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
187	730561	Phạm Thị Thu Trang	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.3	6.8			8.25	7.2	7.75	23.2	23.2		Đỗ NV1 - Lần 1
188	730261	Mai Tiến Hùng	08/01/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		8	8.5	6.8			8.5	6.4	8.25	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
189	730179	Hoàng Ngọc Minh Đăng	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.4	7.9			6.25	8.4	8.5	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
190	730332	Nguyễn Thảo Linh	28/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	7.8	8.2			7.5	7.4	8.25	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
191	730582	Ngô Anh Tuấn	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.4	7			8.5	6.4	8.25	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
192	730379	Phạm Thảo Minh	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8.4	9.3			7.75	7.4	8	23.15	23.15		Đỗ NV1 - Lần 1
193	730403	Trịnh Mai Trọng Nghĩa	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.7	7.9			7.75	6.6	8.75	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1
194	730602	Nguyễn Quốc Việt	24/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.1	9.2			6.75	7.6	8.75	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1
195	730289	Mai Phúc Hưng	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9	7.7	8.5			7.5	7.6	8	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1
196	730257	Đỗ Thị Hồng	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.5	8.1			8	6.6	8.5	23.1	23.1		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
197	730434	Nguyễn Phương Nhi	01/06/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	T	G	8	8.3	7.5			8.25	6.8	8	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
198	730396	Dương Thị Thùy Ngân	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	9.2			8	6.8	8.25	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
199	730464	Mai Hoàng Phúc	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9	7	7.8			7.5	6.8	8.75	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
200	730144	Mỹ Duy Dũng	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	7.6	8			7.75	6.8	8.5	23.05	23.05		Đỗ NV1 - Lần 1
201	730452	Lưu Hoàng Phong	15/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.1	8.4	8.4			7.25	8	7.75	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
202	730577	Phan Xuân Trường	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.2	8.5			8	8	7	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
203	730618	Nguyễn Thị Hoàng Yến	03/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.5	8.9			7.5	7	8.5	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
204	730279	Mai Thị Huyền	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.9	8.5			7.25	8	7.75	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
205	730096	Yên Chí Gia Bảo	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	5.9	8.5			6.5	8	8.5	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
206	730442	Vũ Tường Nhi	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.3	8.6			8	7	8	23	23		Đỗ NV1 - Lần 1
207	730323	Nghiêm Hoàng Lâm	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.7	7.6			8	6.2	8.75	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
208	730102	Mai Huy Bình	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.8	8.3			7.5	7.2	8.25	22.95	22.95		Đỗ NV1 - Lần 1
209	730066	Phạm Quỳnh Anh	15/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	7.7			7	7.4	8.5	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
210	730402	Phan Hữu Nghĩa	01/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8	7.3			7.25	7.4	8.25	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
211	730016	Dương Tú Anh	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.5	8.4			7.5	7.4	8	22.9	22.9		Đỗ NV1 - Lần 1
212	730067	Phạm Thị Kim Anh	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.6	8.1			7.5	7.6	7.75	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
213	730336	Phạm Thị Hà Linh	24/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.7	7.2			8	6.6	8.25	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
214	730211	Phan Nguyễn Khánh Hà	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	6.5	8.7			7.75	7.6	7.5	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
215	730480	Phạm Minh Quân	23/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8	8.3			7.25	7.6	8	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
216	730287	Đào Vũ Như Huỳnh	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	8.5			8.5	5.6	8.75	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
217	730543	Trương Khánh Toàn	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.6	7.3			7.75	7.6	7.5	22.85	22.85		Đỗ NV1 - Lần 1
218	730008	Nguyễn Văn Trường An	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9.5	8.1	7.9			7.25	6.8	8.75	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
219	730438	Trịnh Mai Trúc Nhi	04/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.8	9.1			7.75	7.8	7.25	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
220	730325	Đặng Hà Linh	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.9	6			8	6.8	8	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
221	730372	Mai Đức Minh	07/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.4	8.7	8.2			7.75	5.8	9.25	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
222	730092	Trần Gia Bảo	03/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.6	7.2			7.25	6.8	8.75	22.8	22.8		Đỗ NV1 - Lần 1
223	730558	Nguyễn Thu Trang	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.6	8.9			8.5	6	8.25	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
224	730106	Lương Minh Châu	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.8	6.9			8	7	7.75	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
225	730234	Mai Duy Hiếu	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.2	7.4			7	7	8.75	22.75	22.75		Đỗ NV1 - Lần 1
226	730505	Nguyễn Phương Thanh	27/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.3	8.9			8.25	6.2	8.25	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
227	730052	Nguyễn Đức Anh	05/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.3	7.3			7.5	6.2	9	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
228	730383	Phạm Nguyễn Trà My	01/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	7.9	7.5			8	6.2	8.5	22.7	22.7		Đỗ NV1 - Lần 1
229	730461	Mai Hữu Phú	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.1	8.2			6.75	7.4	8.5	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
230	730188	Mai Anh Đức	10/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.8	8.2			8	6.4	8.25	22.65	22.65		Đỗ NV1 - Lần 1
231	730002	Lê Nhật An	15/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9.5	6.6	7.1			5.25	7.6	9.75	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
232	730386	Đào Bảo Nam	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8	8.4			7.5	6.6	8.5	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
233	730088	Mai Thái Bảo	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	7.9	7.9			7.5	6.6	8.5	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
234	730484	Mai Huỳnh Bảo Quyên	02/11/2011	Tỉnh Lâm Đồng	T	K		8.3	7.4	7.3			7.25	6.6	8.75	22.6	22.6		Đỗ NV1 - Lần 1
235	730048	Mai Tuấn Anh	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.8	7.5			7	6.8	8.75	22.55	22.55		Đỗ NV1 - Lần 1
236	730069	Phùng Trịnh Hà Anh	25/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	7.2	8.4			6	8	8.5	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
237	730109	Nguyễn Quỳnh Châu	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	8.5			7.5	7	8	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
238	730478	Nguyễn Minh Quân	14/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.5	7.5			7.25	7	8.25	22.5	22.5		Đỗ NV1 - Lần 1
239	730029	Mai Duy Anh	17/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	6.6	6.7			7.5	7.2	7.75	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
240	730126	Phạm Nguyễn Cường	22/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.1	7.2			8	7.2	7.25	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
241	730479	Phạm Đặng Nhật Quân	10/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		9.1	7.6	8.9			6.75	7.2	8.5	22.45	22.45		Đỗ NV1 - Lần 1
242	730592	Mai Phương Uyên	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.7	6.8			8	6.4	8	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
243	730107	Mai Sỹ Bảo Châu	18/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	8	7.9			7.75	6.4	8.25	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
244	730575	Đặng Thế Trung	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	8.2	7.1			7	7.4	8	22.4	22.4		Đỗ NV1 - Lần 1
245	730227	Mai Thị Hiền	06/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.3	8.6			6	7.6	8.75	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
246	730285	Trần Thị Khánh Huyền	15/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	8.4	7.4			8	6.6	7.75	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
247	730503	Trần Minh Thái	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.2	8.8			7.5	6.6	8.25	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
248	730170	Mai Nữ Thành Đạt	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	6.8	7.7			6.5	7.6	8.25	22.35	22.35		Đỗ NV1 - Lần 1
249	730281	Nguyễn Thị Thanh Huyền	11/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	9.1	8.2			8.25	5.8	8.25	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
250	730509	Mã Tiến Thành	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.9	8.2	8.3			8.5	5.8	8	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
251	730201	Mai Trà Giang	18/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	9	8.5			8	5.8	8.5	22.3	22.3		Đỗ NV1 - Lần 1
252	730098	Dương Thị Ngọc Bích	10/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.8	8.4			8.25	6	8	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
253	730108	Ngô Nữ Minh Châu	31/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.3	7.6			8	7	7.25	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
254	730611	Phạm Thị Phương Vy	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.6	7.6			6.75	7	8.5	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
255	730090	Phạm Gia Bảo	21/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8	8.7			7.75	6	8.5	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
256	730105	Lê Minh Châu	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.1	8.6			7.5	6	8.75	22.25	22.25		Đỗ NV1 - Lần 1
257	730514	Trịnh Phương Thảo	13/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8	8.3			8	6.2	8	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
258	730171	Mai Thành Đạt	07/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.7	8.6			6.25	7.2	8.75	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
259	730425	Nguyễn Thiện Nhân	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.4	8.4			6.75	7.2	8.25	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
260	730189	Mai Khắc Đức	13/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	7.7	8.3			7.5	6.2	8.5	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
261	730326	La Thị Phương Linh	01/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.1	7.2			7.5	7.2	7.5	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
262	730007	Nguyễn Hòa An	09/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	6.7	6.6			7.25	6.2	8.75	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
263	730288	Đào Trọng Hưng	11/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.8	7.8			7.5	6.2	8.5	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
264	730017	Đình Quỳnh Anh	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.3	7.7			8	6.2	8	22.2	22.2		Đỗ NV1 - Lần 1
265	730132	Phạm Thị Huyền Diệu	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.1	8.1			7.25	6.4	8.5	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
266	730395	Nguyễn Phan Linh Nga	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.8	9.2			8.25	5.4	8.5	22.15	22.15		Đỗ NV1 - Lần 1
267	730544	Nguyễn Ngọc Trà	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.3	8			7.75	5.6	8.75	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
268	730176	Trịnh Tuấn Đạt	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	7.2	7.3			8	5.6	8.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
269	730077	Mai Lê Ngọc Ánh	24/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8.4	8.2			8	6.6	7.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
270	730061	Nguyễn Thị Lan Anh	08/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.6	7.1			7.75	6.6	7.75	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
271	730305	Lê Đăng Khôi	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8.2	7.5			7	6.6	8.5	22.1	22.1		Đỗ NV1 - Lần 1
272	730019	Đỗ Nguyễn Phương Anh	13/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.8	8.3	8			7.5	6.8	7.75	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
273	730296	Mai Thị Lan Hương	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.7	7.2			7.5	6.8	7.75	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
274	730579	Mai Minh Tú	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.9	8.4			8	5.8	8.25	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
275	730075	Vũ Thị Hoàng Anh	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.9	8	8.1			7.5	5.8	8.75	22.05	22.05		Đỗ NV1 - Lần 1
276	730397	Hoàng Thúy Ngân	22/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	7.5	8.7			8.25	6	7.75	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
277	730488	Mai Diễm Quỳnh	04/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	8.2	7.3			8.25	6	7.75	22	22		Đỗ NV1 - Lần 1
278	730081	Trịnh Ngọc Ánh	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8.7	9			8.25	7.2	6.5	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
279	730220	Vũ Thị Nguyệt Hằng	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.3	7.1			8	6.2	7.75	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
280	862557	Nguyễn Nam Phong	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.9	8.3			8	6.2	7.75	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
281	730039	Mai Phương Anh	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.9	8.1			7.25	7.2	7.5	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
282	730009	Phạm Phúc An	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	7.8	8.4			6.75	7.2	8	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
283	730409	Mai Bích Ngọc	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8.6	7.7			7.25	7.2	7.5	21.95	21.95		Đỗ NV1 - Lần 1
284	730412	Mai Thị Ánh Ngọc	09/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.7	6.1			7	6.4	8.5	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
285	730117	Phạm Thị Linh Chi	15/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	8.2	7.2			8	5.4	8.5	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
286	730177	Trịnh Văn Đạt	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	7.4	7.6			6.5	7.4	8	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
287	730258	Mai Thị Huệ	18/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	7.4	6.3			7.75	5.4	8.75	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
288	730541	Phạm Hữu Tinh	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	7.7			8.25	7.4	6.25	21.9	21.9		Đỗ NV1 - Lần 1
289	730554	Mai Thùy Trang	28/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.4	8.3			8	5.6	8.25	21.85	21.85		Đỗ NV1 - Lần 1
290	730160	Đình Hoàng Dương	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7	6.4	6			7	6.8	8	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
291	730476	Phạm Đăng Quang	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.6	5.3			7.75	5.8	8.25	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
292	730491	Nguyễn Thị Như Quỳnh	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.9	7.1			8	5.8	8	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
293	730612	Trần Thị Phương Vy	29/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.7	8.3	7.8			7.75	6.8	7.25	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
294	730145	Nguyễn Quang Dũng	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.6	7.6			7.25	6.8	7.75	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
295	730303	Mai Đức Nam Khánh	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	8	8.2			8	6.8	7	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
296	730492	Thịnh Như Quỳnh	26/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	8	5.9			7.75	5.8	8.25	21.8	21.8		Đỗ NV1 - Lần 1
297	730607	Mai Kiều Vy	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8	8			7.75	6	8	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
298	730584	Trương Đăng Tuấn	15/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	6.8	6.5			7.25	6	8.5	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
299	730504	Mai Thị Hà Thanh	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.6	8.5			7.5	6	8.25	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
300	730027	Mai Bùi Ngọc Anh	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.6	8.3			6.5	7	8.25	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
301	730574	Đặng Chí Trung	26/09/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.2	7.9	7.1			6.75	8	7	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
302	730166	Phạm Thị Thuỳ Dương	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.6	6.5			6.5	7	8.25	21.75	21.75		Đỗ NV1 - Lần 1
303	730064	Nguyễn Trung Anh	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.3	9.2			7.25	6.2	8.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
304	730616	Nguyễn Hải Yến	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.3	7.7			7.5	6.2	8	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
305	730263	Phạm Anh Hùng	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7	7.6			7.25	6.2	8.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
306	730485	Nguyễn Bảo Quyên	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.1	7.9			7.5	6.2	8	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
307	730529	Trịnh Thị Thu Thủy	04/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.6	9.1			8.25	5.2	8.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
308	730327	Lê Nguyễn Phương Linh	14/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.9	8.4			7.25	6.2	8.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
309	730405	Đình Thị Thảo Ngọc	25/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.4	9.2	7.8			8.25	7.2	6.25	21.7	21.7		Đỗ NV1 - Lần 1
310	730265	Hoàng Gia Huy	11/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.8	8.2			7.5	5.4	8.75	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
311	730552	Mai Thanh Trang	17/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.2	7.9			7.75	5.4	8.5	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
312	730423	Vũ Bùi Thanh Nhân	19/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.8	8.2			8	5.4	8.25	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
313	730460	Vũ Hải Phong	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.9	8.1			7	7.4	7.25	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
314	730364	Trịnh Phương Mai	14/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	6.9	7.2			8.25	5.4	8	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
315	730187	Mai Anh Đức	24/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.4	7.3			7.25	6.4	8	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
316	730070	Tô Thị Kim Anh	05/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	7.5			7	6.4	8.25	21.65	21.65		Đỗ NV1 - Lần 1
317	730415	Nguyễn Ánh Ngọc	10/11/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	Đ		6.2	6.5	6.5			7.75	6.6	7.25	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
318	730398	Mai Thị Thảo Ngân	03/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.3	7.8			7.25	6.6	7.75	21.6	21.6		Đỗ NV1 - Lần 1
319	730095	Trịnh Văn Bảo	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	8.1			7	5.8	8.75	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
320	730138	Vũ Thùy Dung	22/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.2	8.4			7.75	5.8	8	21.55	21.55		Đỗ NV1 - Lần 1
321	730496	Nguyễn Văn Hà Sơn	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.5	6.5			6	7	8.5	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
322	730246	Bùi Thị Thu Hoài	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.3	8.3	8.1			7.75	7	6.75	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
323	730445	Nguyễn Trang Nhung	17/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.7	6.6			7.5	6	8	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
324	730163	Lê Thùy Dương	24/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.3	6.1			8	6	7.5	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
325	730158	Bùi Tuấn Dương	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.9	6.7			6.25	7	8.25	21.5	21.5		Đỗ NV1 - Lần 1
326	730489	Mai Như Quỳnh	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.6	6.6			7.75	6.2	7.5	21.45	21.45		Đỗ NV1 - Lần 1
327	730122	Nghiêm Chí Công	28/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	8.6			6.5	6.4	8.5	21.4	21.4		Đỗ NV1 - Lần 1
328	730184	Hoàng Minh Đức	19/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	5.5	6.8			7	6.6	7.75	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
329	730318	Mai Thị Tuyết Lan	21/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8	6.6			7.75	5.6	8	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
330	730439	Trịnh Yến Nhi	10/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	8.1	7.9			8.25	5.6	7.5	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
331	730573	Trịnh Thị Thanh Trúc	24/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.3	8.1			7.25	5.6	8.5	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
332	730024	Lại Trần Phương Anh	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	7.2	6.4			6.5	7.6	7.25	21.35	21.35		Đỗ NV1 - Lần 1
333	730034	Mai Hồ Ngọc Anh	17/09/2011	Thành phố Hà Nội	T	T	G	8.9	8.1	7			7.75	5	8.5	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
334	730333	Nguyễn Thị Hoài Linh	21/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.8	6.7			7.5	6	7.75	21.25	21.25		Đỗ NV1 - Lần 1
335	730240	Thịnh Trần Minh Hiếu	28/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8.3	8.7			6.75	6.2	8.25	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
336	730493	Nguyễn Quang Sáng	01/08/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.7	8	7.2			6.5	6.2	8.5	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
337	730148	Nguyễn Tiến Dũng	23/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.7	7.1			7.25	6.2	7.75	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
338	730343	Nguyễn Minh Long	19/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.3	8.2			6.5	6.2	8.5	21.2	21.2		Đỗ NV1 - Lần 1
339	730104	Dương Bảo Châu	03/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	8.2	7.3			8	5.4	7.75	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1
340	730084	Bùi Văn Bảo	10/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.7	7.8			7.75	5.4	8	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
341	730441	Vũ Thảo Nhi	10/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.2	7.8			8.5	5.4	7.25	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1
342	730413	Mai Thị Hồng Ngọc	25/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.4	8.2	8			6.75	6.4	8	21.15	21.15		Đỗ NV1 - Lần 1
343	730608	Mai Thảo Vy	17/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.6	9			7.25	5.6	8.25	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
344	730391	Nguyễn Đăng Bảo Nam	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		8.8	6.4	6.5			7.25	5.6	8.25	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
345	730502	Thịnh Minh Tấn	18/08/2011	Tỉnh Đồng Nai	T	K		9	6.5	8.4			7.25	5.6	8.25	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
346	730154	Nguyễn Minh Duy	11/05/2011	Tỉnh Quảng Ngãi	T	T	G	8.6	8.1	7.7			7	5.6	8.5	21.1	21.1		Đỗ NV1 - Lần 1
347	730277	Đặng Thị Huyền	23/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.3	6.4			7.75	5.8	7.5	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
348	730137	Trịnh Thị Dung	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	7.1	8.5			6.75	5.8	8.5	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
349	730078	Mai Ngọc Ánh	01/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	8.6	7			8.5	3.8	8.75	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
350	730355	Nguyễn Thị Lương	14/01/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.3	7.2	6.2			8.25	4.8	8	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
351	730513	Trần Thị Thảo	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.9	5.7			7.25	5.8	8	21.05	21.05		Đỗ NV1 - Lần 1
352	730307	Mai Đức Kiên	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.4	7.1			7.75	5	8.25	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
353	730156	Bùi Lê Dương	21/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.6	7.5	7.6			7	7	7	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
354	730241	Trần Trung Hiếu	13/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.7	7.4			7	6	8	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
355	730003	Mai Thái An	22/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.2	8	8.6			7.5	5	8.5	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
356	730302	Lê Duy Khánh	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.7	8	7.1			7.5	5	8.5	21	21		Đỗ NV1 - Lần 1
357	730559	Phạm Huyền Trang	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.1	7.3			8.75	5.2	7	20.95	20.95		Đỗ NV1 - Lần 1
358	730446	Mai Phạm Kiều Như	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.6	7.7			7.75	5.2	8	20.95	20.95		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
359	730068	Phạm Thị Lan Anh	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.6	7			7	5.4	8.5	20.9	20.9		Đỗ NV1 - Lần 1
360	730362	Nguyễn Thị Ngọc Mai	11/08/2011	Thành phố Đồng Nai	T	T	G	7.8	8.2	7.6			8	4.6	8.25	20.85	20.85		Đỗ NV1 - Lần 1
361	730316	Đình Thị Mai Lan	09/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8	6.9			8.25	4.8	7.75	20.8	20.8		Đỗ NV1 - Lần 1
362	730458	Trần Nam Phong	12/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.6	7.2			6.5	6.8	7.5	20.8	20.8		Đỗ NV1 - Lần 1
363	730164	Mai Thị Khánh Dương	24/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.4	5.9			7.5	6	7.25	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1
364	730114	Mai Thùy Chi	19/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9	8.2	8.2			7.5	5	8.25	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1
365	730546	Dương Thị Huyền Trang	18/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.9	5.7			7.5	6	7.25	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1
366	730040	Mai Phương Anh	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.2	8.3			7.25	6	7.5	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1
367	730245	Nguyễn Mai Hoa	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	8.1	5.9			7.25	6	7.5	20.75	20.75		Đỗ NV1 - Lần 1
368	730139	Bùi Đình Đại Dũng	29/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	8.1	6.8			7.5	5.2	8	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
369	730168	Đặng Thị Linh Đan	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.7	8.3	7.3			7.75	5.2	7.75	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
370	730590	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	01/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.9	7.7			7.25	6.2	7.25	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
371	730508	Hồ Tiến Thành	16/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.9	8.1			8	4.2	8.5	20.7	20.7		Đỗ NV1 - Lần 1
372	730071	Trịnh Hải Anh	19/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	7.9	8.3			6.5	5.4	8.75	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
373	730186	Mai Anh Đức	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8	7.1			7.75	5.4	7.5	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
374	730266	Mai Bảo Huy	23/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.7	6.7			7.5	4.4	8.75	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
375	730226	Vũ Ngọc Hân	28/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.2	6.7			7.25	6.4	7	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
376	730534	Mai Đặng Anh Thu	05/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.1	6.8			7	6.4	7.25	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
377	730523	Nguyễn Thị Ngọc Thu	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.3	6.7			7.25	5.4	8	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
378	730477	Mai Văn Quân	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.5	6.9			6.5	6.4	7.75	20.65	20.65		Đỗ NV1 - Lần 1
379	730150	Dương Trọng Duy	07/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.3	7.7			6.5	5.6	8.5	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
380	730349	Nguyễn Hữu Thành Lộc	22/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	7.1	8.4			7.25	4.6	8.75	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
381	730374	Mai Hữu Nhật Minh	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.8	5.6			7	5.6	8	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
382	730082	Vũ Thị Ngọc Ánh	19/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.7	6.1			8	5.6	7	20.6	20.6		Đỗ NV1 - Lần 1
383	730273	Nguyễn Hữu Gia Huy	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	7.7	8.5			8	5.8	6.75	20.55	20.55		Đỗ NV1 - Lần 1
384	730249	Mai Duy Hoàng	08/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.9	5.6			7.75	5	7.75	20.5	20.5		Đỗ NV1 - Lần 1
385	730370	Đào Thị Ngọc Minh	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.6	8.3	7.3			8	4	8.5	20.5	20.5		Đỗ NV1 - Lần 1
386	730352	Vũ Văn Luân	16/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.5	6.3			7.75	5.2	7.5	20.45	20.45		Đỗ NV1 - Lần 1
387	730264	Đào Gia Huy	06/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.9	5.6			7.5	5.2	7.75	20.45	20.45		Đỗ NV1 - Lần 1
388	730570	Nguyễn Thị Thanh Trúc	06/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.6	6.2			7.75	5.2	7.5	20.45	20.45		Đỗ NV1 - Lần 1
389	730031	Mai Đức Anh	12/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.7	8.4			6.5	7.2	6.75	20.45	20.45		Đỗ NV1 - Lần 1
390	730072	Trịnh Tuấn Anh	16/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	6.6	7.1			6.5	6.4	7.5	20.4	20.4		Đỗ NV1 - Lần 1
391	730406	Mai Bảo Ngọc	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.8	6			7.75	5.4	7.25	20.4	20.4		Đỗ NV1 - Lần 1
392	730599	Bùi Yến Vi	18/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	8	6.6			6.25	6.4	7.75	20.4	20.4		Đỗ NV1 - Lần 1
393	730006	Mã Thu An	26/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.1	6.8			7.25	5.4	7.75	20.4	20.4		Đỗ NV1 - Lần 1
394	730447	Vũ Thị Quỳnh Như	06/03/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		9.2	6.8	8.5			6.5	5.6	8.25	20.35	20.35		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
395	730051	Nguyễn Đặng Mai Anh	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	8.1	7.2			8	4.6	7.75	20.35	20.35		Đỗ NV1 - Lần 1
396	730119	Lê Văn Chí	22/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7	8.3			6.75	6.8	6.75	20.3	20.3		Đỗ NV1 - Lần 1
397	730427	Nguyễn Minh Nhật	06/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	7.6	8.8			7.5	5	7.75	20.25	20.25		Đỗ NV1 - Lần 1
398	730498	Đào Thị Xuân Sương	11/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.6	7.3			8	5	7.25	20.25	20.25		Đỗ NV1 - Lần 1
399	730501	Nguyễn Bá Tâm	02/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	5.9	6.6			6.25	6	8	20.25	20.25		Đỗ NV1 - Lần 1
400	730038	Mai Phương Anh	21/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.5	7.1			7.75	5.2	7.25	20.2	20.2		Đỗ NV1 - Lần 1
401	730190	Mai Minh Đức	04/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.6	7.4	6.6			7.25	4.4	8.5	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
402	730556	Nguyễn Phạm Đài Trang	16/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	8.1	6.7			8.5	4.4	7.25	20.15	20.15		Đỗ NV1 - Lần 1
403	730159	Đặng Quang Dương	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.1	5.8	5.5			6.75	5.6	7.75	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
404	730135	Đặng Thị Hồng Dung	18/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	6.9	6.5			8	3.6	8.5	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
405	730473	Nguyễn Mai Phương	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.6	8			7	5.6	7.5	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
406	730182	Phạm Hải Đăng	01/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		7.1	6.9	7			6.25	6.6	7.25	20.1	20.1		Đỗ NV1 - Lần 1
407	730173	Mai Tiến Đạt	23/04/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.3	7.6	6.5			6.5	5.8	7.75	20.05	20.05		Đỗ NV1 - Lần 1
408	730247	Lương Xuân Hoàn	07/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.3	8.1			7.75	4	8.25	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
409	730520	Bùi Ngọc Thiên	20/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	7.9	7.5			7	4	9	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
410	730606	Hoàng Nhật Vy	24/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.3	7.6			7.5	4	8.5	20	20		Đỗ NV1 - Lần 1
411	730191	Mai Thế Đức	02/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		7.9	7.9	6.3			7.75	4.2	8	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
412	730424	Đỗ Bá Anh Nhân	24/06/2011	Tỉnh Đồng Nai	T	K		6.6	7.3	6	1		6.5	5.2	7.25	18.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
413	730251	Mai Văn Hoàng	14/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.8	8.3	6.4			7.5	4.2	8.25	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
414	730050	Ngô Thị Ngọc Anh	12/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	6.6	8.1	6.6			8	5.2	6.75	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
415	730617	Nguyễn Thị Hải Yến	03/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.2	7.3			7.25	5.2	7.5	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
416	730350	Vũ Mai Tiến Lộc	25/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.5	7.9			6.5	6.2	7.25	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
417	730181	Nguyễn Võ Đăng	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.2	5.9			6.5	6.2	7.25	19.95	19.95		Đỗ NV1 - Lần 1
418	730065	Phạm Đức Anh	15/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	6.7	6.3			7	4.4	8.5	19.9	19.9		Đỗ NV1 - Lần 1
419	730030	Mai Đức Anh	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.3	7			6.75	6.4	6.75	19.9	19.9		Đỗ NV1 - Lần 1
420	730368	Vũ Đức Mạnh	30/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.4	8.1	7.1			7.5	4.6	7.75	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1
421	730311	Trần Trung Kiên	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	6.3	6.2			7	4.6	8.25	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1
422	730528	Mai Thu Thủy	23/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	8.2	7.5			7.25	4.6	8	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1
423	730371	Đặng Văn Ngọc Minh	01/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.1	7.2	5.7			7.25	5.6	7	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1
424	730167	Phạm Trọng Đại	20/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.5	7.6	5.7			6.75	5.6	7.5	19.85	19.85		Đỗ NV1 - Lần 1
425	730112	Mai Kim Chi	08/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	8.1	7.7			7.5	5.8	6.5	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
426	730417	Trần Bảo Ngọc	28/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.8	7.4			8.5	3.8	7.5	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
427	730469	Mai Lan Phương	11/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	8.3	6.7			7.75	4.8	7.25	19.8	19.8		Đỗ NV1 - Lần 1
428	730586	Lê Quốc Sơn Tùng	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.7	6.7			7.75	5	7	19.75	19.75		Đỗ NV1 - Lần 1
429	730229	Nguyễn Thu Hiền	21/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.8	8	8.1			7.5	5	7.25	19.75	19.75		Đỗ NV1 - Lần 1
430	730218	Mai Thị Hằng	17/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.1	7.6			7.5	4	8.25	19.75	19.75		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
431	730358	Thịnh Thảo Ly	03/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	7.4	6.1			7	5.2	7.5	19.7	19.7		Đỗ NV1 - Lần 1
432	730455	Nguyễn Bình Đông Phong	13/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	6.6	6.3			7.25	5.4	7	19.65	19.65		Đỗ NV1 - Lần 1
433	730113	Mai Ngọc Khánh Chi	28/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	9.3	8.4	8.1			7.25	4.6	7.75	19.6	19.6		Đỗ NV1 - Lần 1
434	730282	Phạm Mai Thanh Huyền	14/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	8.1	7			8	6.6	5	19.6	19.6		Đỗ NV1 - Lần 1
435	730127	Mai Công Danh	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	7.2	6.9			7	5.6	7	19.6	19.6		Đỗ NV1 - Lần 1
436	730348	Nguyễn Bảo Lộc	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	7.8	7.7			7	4.6	8	19.6	19.6		Đỗ NV1 - Lần 1
437	730214	Nguyễn Vũ Hoàng Hải	06/10/2010	Tỉnh Thanh Hóa	K	K		7	5.7	5.7			6.5	6.6	6.5	19.6	19.6		Đỗ NV1 - Lần 1
438	730459	Trịnh Văn Phong	26/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	6.6	5.3			6.75	4.8	8	19.55	19.55		Đỗ NV1 - Lần 1
439	730410	Mai Khánh Ngọc	27/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	6.9	6.5			7.75	4	7.75	19.5	19.5		Đỗ NV1 - Lần 1
440	730518	Nguyễn Minh Thắng	23/11/2011	Tỉnh Quảng Ninh	T	K		6.9	7.4	6.2		1	7.5	4	7	18.5	19.5		Đỗ NV1 - Lần 1
441	730467	Lê Thu Phương	13/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	8.1	5.5			8.25	4.2	7	19.45	19.45		Đỗ NV1 - Lần 1
442	730576	Mai Huy Trung	22/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.9	7.1	7.8			6.75	4.2	8.5	19.45	19.45		Đỗ NV1 - Lần 1
443	730239	Thiều Quang Hiếu	29/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	6.6	8.5			5.5	5.4	8.5	19.4	19.4		Đỗ NV1 - Lần 1
444	730428	Trương Quang Nhật	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.2	8.1			6.75	6.4	6.25	19.4	19.4		Đỗ NV1 - Lần 1
445	730015	Dương Trọng Bảo Anh	02/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.3	8.1	7.6			7.75	4.6	7	19.35	19.35		Đỗ NV1 - Lần 1
446	730018	Đỗ Đức Anh	14/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.1	5.6	4.6			7.25	4.8	7.25	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
447	730196	Phạm Anh Đức	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.1	8			7.25	5.8	6.25	19.3	19.3		Đỗ NV1 - Lần 1
448	730351	Khiếu Văn Lợi	16/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.2	6.9			7.75	4	7.5	19.25	19.25		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
449	730153	Nguyễn Đức Duy	09/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	5.9	7.3			7	4	8.25	19.25	19.25		Đỗ NV1 - Lần 1
450	730172	Mai Thành Đạt	01/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.8	6	5.6			6.5	5	7.75	19.25	19.25		Đỗ NV1 - Lần 1
451	730165	Nguyễn Ánh Dương	09/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	6.9	7.6			6.5	4	8.75	19.25	19.25		Đỗ NV1 - Lần 1
452	730454	Mai Kiên Phong	07/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.3	6.9	6			5.75	5.2	8.25	19.2	19.2		Đỗ NV1 - Lần 1
453	730462	Phạm Thành Phú	07/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.6	7.8	6.8			7	5.2	7	19.2	19.2		Đỗ NV1 - Lần 1
454	730418	Trịnh Thị Bích Ngọc	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8.4	8			8	3.2	8	19.2	19.2		Đỗ NV1 - Lần 1
455	730233	Lê Minh Hiếu	07/02/2011	Thành phố Huế	T	K		7.3	6.7	7.7			6.25	5.2	7.75	19.2	19.2		Đỗ NV1 - Lần 1
456	730232	Lê Huy Hiếu	25/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	7.1	6.6			7	4.4	7.75	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
457	730567	Mai Thị Ngọc Trâm	09/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.6	7.4	8.1			8	5.4	5.75	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
458	730236	Mai Trung Hiếu	01/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.6	6.6			8	4.4	6.75	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
459	730411	Mai Tấn Ngọc	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.5	7.4			6.25	5.4	7.5	19.15	19.15		Đỗ NV1 - Lần 1
460	730142	Mai Mạnh Dũng	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.4	8.7			6.75	4.6	7.75	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
461	730408	Mai Bích Ngọc	31/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.3	8.1			7.5	5.6	6	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
462	730466	Nguyễn Hữu Phúc	30/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.5	8	8.7			6.5	6.6	6	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
463	730151	Hoàng Kim Duy	10/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.6	6.2	5.4			7.5	3.6	8	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
464	730563	Trần Nhật Trang	13/08/2011	Tỉnh Khánh Hòa	T	T	G	8.1	7.3	7.5			6.5	4.6	8	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
465	730550	Mai Hạnh Trang	11/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6	7	5.1			7	4.6	7.5	19.1	19.1		Đỗ NV1 - Lần 1
466	730516	Trịnh Thị Thu Thảo	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.6	7.2			7.5	3.8	7.75	19.05	19.05		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
467	730299	Hoàng Văn Khang	26/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	5.4	6.4			6.75	5	7.25	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
468	730521	Nguyễn Đào Văn Thiện	13/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	7.5	7.5			6.5	4	8.5	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
469	730310	Phạm Quang Kiên	17/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.7	7.3			7.75	3	8.25	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
470	730613	Trương Thị Hồng Yên	26/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.2	6.9			7.5	5	6.5	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
471	730587	Mai Văn Tùng	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.1	7.6			7.5	4	7.5	19	19		Đỗ NV1 - Lần 1
472	730169	Phạm Vĩnh Đan	23/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.7	6.2			6.75	4.2	8	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
473	730294	Vũ Việt Hưng	19/09/2011	Thành phố Hà Nội	T	K		5.5	7.8	7.3			6.5	8.2	4.25	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
474	730474	Trịnh Thị Phương	01/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7	7.9			7.25	5.2	6.5	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
475	730157	Bùi Thanh Dương	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.8	6.3			6.5	5.2	7.25	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
476	730400	Thịnh Thị Thu Ngân	30/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	8.6	7.2			8.25	4.2	6.5	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
477	730440	Vũ Mai Gia Nhi	01/11/2011	Tỉnh Nghệ An	T	K		5.8	7.5	6.2			7.5	4.2	7.25	18.95	18.95		Đỗ NV1 - Lần 1
478	730519	Vũ Duy Thắng	26/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.1	6.7			7.5	3.4	8	18.9	18.9		Đỗ NV1 - Lần 1
479	730014	Dương Thị Lan Anh	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.1	8.5			6.75	4.6	7.5	18.85	18.85		Đỗ NV1 - Lần 1
480	730073	Trương Thị Minh Anh	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.8	8.1	8			7.75	3.6	7.5	18.85	18.85		Đỗ NV1 - Lần 1
481	730572	Phạm Lê Thanh Trúc	20/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.2	9.2	7			7.5	3.6	7.75	18.85	18.85		Đỗ NV1 - Lần 1
482	730357	Nguyễn Thị Ly	07/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.4	7.5			7	3.6	8.25	18.85	18.85		Đỗ NV1 - Lần 1
483	730231	Hoàng Thế Minh Hiếu	16/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.1	7.2			6.5	4.6	7.75	18.85	18.85		Đỗ NV1 - Lần 1
484	730235	Mai Phi Hiếu	01/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.5	7.4			7.75	4.6	6.5	18.85	18.85		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
485	730175	Phạm Tiến Đạt	29/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.5	7.4	7.6			7.25	4.8	6.75	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 1
486	730049	Ngô Thị Hà Anh	08/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	8	6.7			7	4.8	7	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 1
487	730595	Lê Thảo Vân	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.6	7.5			6.75	5.8	6.25	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 1
488	730451	Lê Vũ Tiền Phong	20/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.5	6.8			7	4.8	7	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 1
489	730205	Mai Ngọc Hà	16/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	8.4	5.9			8	3.8	7	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 1
490	730490	Nguyễn Hương Quỳnh	16/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	6.2	6.3			8	2.8	8	18.8	18.8		Đỗ NV1 - Lần 1
491	730367	Nguyễn Đức Mạnh	11/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.7	5.4			7.5	4	7.25	18.75	18.75		Đỗ NV1 - Lần 1
492	730422	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	30/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.8	6.9			8	4	6.75	18.75	18.75		Đỗ NV1 - Lần 1
493	730341	Mai Đức Long	26/02/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.5	6.8	5.7			7.25	4	7.5	18.75	18.75		Đỗ NV1 - Lần 1
494	730335	Phạm Khánh Linh	18/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8	7.8	7.5			7.75	4	7	18.75	18.75		Đỗ NV1 - Lần 1
495	730443	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.6	5.7	5.6			7	4.2	7.5	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1
496	730010	Phạm Thế An	07/11/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	5.5	6.5			6.75	4.2	7.75	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1
497	730393	Hoàng Thị Thúy Nga	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	8	7			8	5.2	5.5	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1
498	730530	Đào Thanh Thúy	21/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.1	7.9			8.25	5.2	5.25	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1
499	730074	Vũ Ngọc Anh	15/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.2	7.7	5.9			7.75	5.2	5.75	18.7	18.7		Đỗ NV1 - Lần 1
500	730178	Hoàng Hải Đăng	27/04/2011	Tỉnh Nghệ An	T	Đ		6.8	6.9	7.3			4.75	6.4	7.5	18.65	18.65		Đỗ NV1 - Lần 1
501	730591	Mai Thành Tươi	27/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	7.3	7.1			7	5.4	6.25	18.65	18.65		Đỗ NV1 - Lần 1
502	730337	Phạm Thị Thủy Linh	09/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.4	8.3	8.6			7.75	4.4	6.5	18.65	18.65		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
503	730199	Trịnh Phạm Đình Đức	26/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7.3	7.7			7.25	5.6	5.75	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 1
504	730036	Mai Ngọc Anh	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.2	6.9			6.75	3.6	8.25	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 1
505	730250	Mai Huy Hoàng	06/02/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		6.6	6.9	7.9			7	4.6	7	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 1
506	730267	Mai Đức Huy	26/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	7.5	8.2	8.1			7.5	4.6	6.5	18.6	18.6		Đỗ NV1 - Lần 1
507	730499	Khiếu Thành Tài	03/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.2	7.5	6.4			6.5	4.8	7.25	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
508	730255	Phạm Bá Minh Hoàng	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.2	5.9	7.1			6.5	5.8	6.25	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
509	730426	Lã Hoàng Nhật	19/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.7	8.1	7.3			7.75	2.8	8	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
510	730555	Nguyễn Bảo Trang	12/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.4	6.4			8.5	2.8	7.25	18.55	18.55		Đỗ NV1 - Lần 1
511	730130	Phạm Ngọc Diệp	05/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	6.3	5.5			7.25	3	8.25	18.5	18.5		Đỗ NV1 - Lần 1
512	730317	Mai Thị Hương Lan	09/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	6.8	7.3			6.25	4.2	8	18.45	18.45		Đỗ NV1 - Lần 1
513	730465	Nguyễn Bá Phúc	29/12/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	Đ		5.8	5.7	6.1			5.75	5.2	7.5	18.45	18.45		Đỗ NV1 - Lần 1
514	730141	Lê Tiến Dũng	24/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.6	5.6			7.75	3.4	7.25	18.4	18.4		Đỗ NV1 - Lần 1
515	730354	Phạm Tiến Lực	22/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.2	6.9			7.75	2.4	8.25	18.4	18.4		Đỗ NV1 - Lần 1
516	730346	Trần Đại Long	30/09/2011	Tỉnh Lâm Đồng	T	K		6.5	7.5	6.8			7.5	4.4	6.5	18.4	18.4		Đỗ NV1 - Lần 1
517	730026	Lê Việt Anh	04/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.2	8.5	6.7			8	4.6	5.75	18.35	18.35		Đỗ NV1 - Lần 1
518	730380	Mai Trà My	20/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	6.4	6.1			6	5.8	6.5	18.3	18.3		Đỗ NV1 - Lần 1
519	730390	Mai Hoài Nam	01/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	7.2	7			7	3.8	7.5	18.3	18.3		Đỗ NV1 - Lần 1
520	730578	Mai Lữ Tuấn Tú	09/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.7	6.6	5.6			7	4.8	6.5	18.3	18.3		Đỗ NV1 - Lần 1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
521	730470	Mai Thị Thu Phương	27/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	T	G	8.1	8	7.9			7.25	3.8	7.25	18.3	18.3		Đỗ NV1 - Lần 1
522	730376	Nguyễn Duy Minh	29/12/2010	Tỉnh Đồng Nai	T	Đ		5	5.5	6.6			6.25	6	6	18.25	18.25		Đỗ NV1 - Lần 1
523	730121	Mai Đình Chinh	28/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.4	6.8	7			6.5	3.2	8.5	18.2	18.2		Đỗ NV1 - Lần 1
524	730212	Trịnh Thị Thu Hà	01/07/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		7.6	7.3	8.3			7	5.4	5.75	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 1
525	730551	Mai Huyền Trang	24/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7.5	8.2			7	4.4	6.75	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 1
526	730527	Nguyễn Thị Thùy	21/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.9	7.7	7.3			7.75	3.4	7	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 2
527	730204	Dương Ngân Hà	10/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	6.4	6.3			6.5	4.4	7.25	18.15	18.15		Đỗ NV1 - Lần 2
528	730259	Trịnh Ngọc Minh Huệ	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.2	8.1	7.7			7.5	2.8	7.75	18.05	18.05		Đỗ NV1 - Lần 2
529	730244	Đặng Thị Hoa	14/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	6.3	6.7			6.5	4	7.5	18	18		Đỗ NV1 - Lần 2
530	730045	Mai Thị Ngọc Anh	14/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.7	6.7			7.5	4	6.5	18	18		Đỗ NV1 - Lần 2
531	730180	Nguyễn Hà Đăng	22/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.9	6.9	6.5			6.5	4	7.5	18	18		Đỗ NV1 - Lần 2
532	730198	Trần Minh Đức	22/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.5	7.4	6.5			8	3	7	18	18		Đỗ NV1 - Lần 2
533	730394	Lê Thị Tuyết Nga	15/12/2010	Tỉnh Nghệ An	T	Đ		6.6	5.9	5.7			7.25	3.2	7.5	17.95	17.95		Đỗ NV1 - Lần 2
534	730120	Nguyễn Hữu Chí	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.4	7.3			6.25	7.2	4.5	17.95	17.95		Đỗ NV1 - Lần 2
535	730483	Phạm Ngọc Quý	11/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	6.5	7			6.5	5.2	6.25	17.95	17.95		Đỗ NV1 - Lần 2
536	730209	Nguyễn Thị Thu Hà	05/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.8	5.5	6.4			6.5	4.4	7	17.9	17.9		Đỗ NV1 - Lần 2
537	730500	Nguyễn Văn Tài	27/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	K	Đ		5.6	6.6	6.3			6.25	4.4	7.25	17.9	17.9		Đỗ NV1 - Lần 2
538	730344	Nguyễn Thành Long	21/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.1	6.8	7.4			7.25	4.4	6.25	17.9	17.9		Đỗ NV1 - Lần 2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
539	730085	Đình Gia Bảo	02/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.7	5.2	5.2			5.5	5.6	6.75	17.85	17.85		Đỗ NV1 - Lần 2
540	730387	Đoàn Mai Bảo Nam	27/09/2011	Tỉnh Điện Biên	T	Đ		7.2	6	6.4			7	3.6	7.25	17.85	17.85		Đỗ NV1 - Lần 2
541	730230	Nguyễn Tuấn Hiệp	14/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	5.3	5.8			6.5	4.8	6.5	17.8	17.8		Đỗ NV1 - Lần 2
542	730203	Nguyễn Thị Trà Giang	30/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.6	7			8.25	3.8	5.75	17.8	17.8		Đỗ NV1 - Lần 2
543	730116	Phạm Khánh Chi	02/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	8	8			7	4	6.75	17.75	17.75		Đỗ NV1 - Lần 2
544	730373	Mai Hoàng Minh	23/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.4	7.2	6.7			7.75	4	6	17.75	17.75		Đỗ NV1 - Lần 2
545	730140	Đỗ Tiến Dũng	29/06/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	K		8.6	7.5	5.7			6.25	3	8.5	17.75	17.75		Đỗ NV1 - Lần 2
546	730254	Phạm Anh Hoàng	02/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	6.8	6.3			7.25	3.2	7.25	17.7	17.7		Đỗ NV1 - Lần 2
547	730062	Nguyễn Thị Ngọc Anh	26/10/2011	Thành phố Hồ Chí Minh	T	K		6.3	6.6	8			5.75	5.2	6.75	17.7	17.7		Đỗ NV1 - Lần 2
548	730058	Nguyễn Ngọc Anh	07/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	6.4	6.4			6.5	3.2	8	17.7	17.7		Đỗ NV1 - Lần 2
549	730238	Nguyễn Khắc Minh Hiếu	04/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7	7	6.7			7	2.4	8.25	17.65	17.65		Đỗ NV1 - Lần 2
550	730471	Mai Thu Phương	11/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.1	5.5			6.75	4.6	6.25	17.6	17.6		Đỗ NV1 - Lần 2
551	730252	Nguyễn Ngọc Hoàng	25/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	6.7	7			6.75	3.8	7	17.55	17.55		Đỗ NV1 - Lần 2
552	730369	Nguyễn Thị Mến	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8	7.7	8			7.75	4	5.75	17.5	17.5		Đỗ NV1 - Lần 2
553	730377	Phạm Quốc Minh	30/04/2011	Tỉnh Ninh Bình	T	K		7	7.2	7.1			6.75	5	5.75	17.5	17.5		Đỗ NV1 - Lần 2
554	730087	Mai Đình Gia Bảo	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5	5.2	6			5.25	5	7.25	17.5	17.5		Đỗ NV1 - Lần 2
555	730262	Nguyễn Văn Tuấn Hùng	06/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		7.8	5.7	5.4			7	3.2	7.25	17.45	17.45		Đỗ NV1 - Lần 2
556	730185	Lại Thế Đức	03/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.9	6.5			6.25	4.2	7	17.45	17.45		Đỗ NV1 - Lần 2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
557	730347	Vũ Minh Long	11/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.4	5.8	6.6			6.25	5.4	5.75	17.4	17.4		Đỗ NV1 - Lần 2
558	730571	Nguyễn Thị Thiên Trúc	16/12/2011	Tỉnh Bắc Ninh	T	K		6.8	7.5	6.6			7.5	2.6	7.25	17.35	17.35		Đỗ NV1 - Lần 2
559	730526	Trương Đức Thuận	06/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	7.5	5.9			6.75	2.6	8	17.35	17.35		Đỗ NV1 - Lần 2
560	730089	Nguyễn Ngọc Bảo	25/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5	6.7	5.4			6.75	4.8	5.75	17.3	17.3		Đỗ NV1 - Lần 2
561	730192	Ngô Minh Đức	27/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		5.8	6.5	6.9			7.25	2	8	17.25	17.25		Đỗ NV1 - Lần 2
562	730044	Mai Thị Lan Anh	22/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		8.1	7.8	6.6			8	3	6.25	17.25	17.25		Đỗ NV1 - Lần 2
563	730585	Hoàng Anh Tùng	05/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.4	7.3	7.5			7.75	2.2	7.25	17.2	17.2		Đỗ NV1 - Lần 2
564	730217	Phạm Thị Hồng Hạnh	18/12/2011	Thành phố Hà Nội	T	K		6.2	6.5	6.5			7.25	3.2	6.75	17.2	17.2		Đỗ NV1 - Lần 2
565	730284	Trần Thị Huyền	26/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	6.5	5.5			7.75	2.4	7	17.15	17.15		Đỗ NV1 - Lần 2
566	730353	Mai Xuân Lực	03/12/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	7.1	5.6			7.5	2.6	7	17.1	17.1		Đỗ NV1 - Lần 2
567	730569	Lê Thanh Trúc	07/02/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7.5	6.1			7.75	3.6	5.75	17.1	17.1		Đỗ NV1 - Lần 2
568	730486	Vũ Thị Lệ Quyên	08/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.9	7.9	6.6			8.5	3.4	5	16.9	16.9		Đỗ NV1 - Lần 2
569	730609	Nguyễn Thị Hà Vy	08/06/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.3	7.1	5.9			7	2.6	7.25	16.85	16.85		Đỗ NV1 - Lần 2
570	730021	Hoàng Hà Anh	02/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.3	8.2	8.8			7	4.6	5.25	16.85	16.85		Đỗ NV1 - Lần 2
571	730292	Nguyễn Lê Thiên Hưng	01/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.6	6.4	7.9		0.5	6.5	4.6	5.25	16.35	16.85		Đỗ NV1 - Lần 2
572	730091	Phạm Mai Gia Bảo	31/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.2	7.6	6.7			7.5	4.6	4.75	16.85	16.85		Đỗ NV1 - Lần 2
573	730237	Mai Xuân Hiếu	25/07/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.2	5.8			6.75	3.6	6.5	16.85	16.85		Đỗ NV1 - Lần 2
574	730063	Nguyễn Thị Trâm Anh	20/03/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.9	8			7.25	2.8	6.75	16.8	16.8		Đỗ NV1 - Lần 2

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Kết quả năm học lớp 9						Điểm		Kết quả điểm bài thi				Tổng điểm xét tuyển	Số giấy trúng tuyển	Ghi chú
					KQRL	KQHT	Danh hiệu	ĐTB Toán 9	ĐTB Văn 9	ĐTB Anh 9	UT	KK	Ngữ Văn	Tiếng Anh	Toán	Tổng đạt			
575	730223	Mai Thị Ngọc Hân	11/08/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.8	7.3	7.1			7.25	4.4	5	16.65	16.65		Đỗ NV1 - Lần 2
576	730539	Trần Văn Tiến	23/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.5	6.1	5.6			6.5	4.4	5.75	16.65	16.65		Đỗ NV1 - Lần 2
577	730253	Nguyễn Văn Hoàng	09/04/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.7	7.7	7.3			7.25	3.6	5.75	16.6	16.6		Đỗ NV1 - Lần 2
578	730388	Hồ Đức Nam	20/10/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6	7.4	5.6			7.25	4.8	4.5	16.55	16.55		Đỗ NV1 - Lần 2
579	730195	Nguyễn Văn Đức	18/09/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.1	5.7	5.8			5.75	5.8	5	16.55	16.55		Đỗ NV1 - Lần 2
580	730435	Nguyễn Thị Yến Nhi	24/08/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6.4	5.3	5.7			6	4	6.5	16.5	16.5		Đỗ NV1 - Lần 2
581	730497	Trịnh Văn Sơn	03/06/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		6	6.3	5.7			6	3.4	7	16.4	16.4		Đỗ NV1 - Lần 2
582	730280	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	07/01/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		6.7	7.1	8			7	3.6	5.75	16.35	16.35		Đỗ NV1 - Lần 2
583	730583	Nguyễn Minh Tuấn	11/05/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.9	7	5.3			6.75	2.6	7	16.35	16.35		Đỗ NV1 - Lần 2
584		Mai Đức Hiệp	12/11/2011	Tỉnh Thanh Hóa	T	K		7.1	7	6.2									Tuyển thẳng
585		Lê Văn Tuấn	08/07/2010	Tỉnh Thanh Hóa	T	Đ		5.1	5.1	5									Tuyển thẳng

Danh sách này gồm có 585 thí sinh trúng tuyển

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÁN BỘ DUYỆT

TRƯỞNG PHÒNG KT&KĐCLGD

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Thanh Hóa, ngày.....tháng.....năm 2026
(Ký và đóng dấu)